

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2021/HS-ST
Ngày 21 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/HSST-QĐ ngày 07/9/2021 đối với:

- Các bị cáo:

1/ Hồng Khất T, tên gọi khác: T E, sinh ngày 05/8/2001 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng A H và bà Nguyễn Thị Bích L; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 13/2021/HSST ngày 13/4/2021.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 13/2021/HSST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Hồng Quốc T1, tên gọi khác: L, sinh năm 1997 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Hồng Thị M, bị cáo không biết tên cha; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Thiên P, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Phạm Hoàng V. Có mặt.

+ Ông Vương Công N. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thiên P, Hồng Quốc T1 và Hồng Khát T là bạn của nhau. Ngày 18/10/2020, Phạm Hoàng V (*bạn của P*) có nhu cầu vay tiền sinh hoạt cá nhân nên nhờ P tìm người vay giùm số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, P nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho T1, nhờ T1 tìm chỗ vay tiền cho V thì T1 nói P liên hệ với T vì T biết nhiều chỗ vay tiền.

Khi P nhắn tin nhờ T vay tiền giùm V thì T nảy sinh ý định lừa P là mượn xe của P để chở V đi mượn tiền sau đó sẽ chiếm đoạt xe mô tô của P đem bán để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, T hẹn P đúng 21 giờ 00 phút ngày 19/10/2020 đến tiệm Internet Quý Sport thuộc ấp Long Điền, xã Long Hòa, T sẽ chở V đi vay tiền.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/10/2020, T đến nhà T1 để bàn với T1 về việc tối cùng ngày sẽ lừa lấy xe của P, T1 đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T và T1 đến tiệm Internet Quý Sport chơi game chờ P và V tới. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 chở V tới tiệm Internet. Do đã bàn với nhau từ trước nên khi P và V tới thì T1 nói dối là đi về nhà. Khi P đưa xe và chìa khóa xe mô tô của P cho T thì T lại mượn thêm điện thoại của P với lý do gọi cho người vay tiền ra đón (do T và T1 biết xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 của P có gắn định vị với điện thoại, khi chiếm đoạt xe thì P sẽ biết được vị trí). Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T chở V đến quán nước không tên tại ấp C, xã Đ, huyện D, T kêu V ngồi đây chờ rồi điều khiển xe về nhà T1, sau đó chở T1 đi bán xe mô tô. Khi đến thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, T và T1 bán điện thoại hiệu

VsMart Joy 3, màu trắng của P cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 300.000 đồng. Số tiền này T và T1 tiêu xài cá nhân hết.

Vì không bán được xe nên T1 nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Vương Công N (bạn của T1) nhờ N bán giùm xe. Ngày 20/10/2020, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 chở T1 đến thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước để gặp N. N hỏi “Xe này của ai” thì T trả lời xe của T nhưng bị mất giấy tờ mà đang cần tiền nên muốn bán. Sau đó, N dẫn T và T1 đến bán xe cho một người đàn ông tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) với giá tiền 17.000.000 đồng, T chia cho T1 số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại T mua bán trái phép chất ma túy nên bị Công an huyện B, tỉnh Bình Phước bắt quả tang và tạm giam để xử lý.

Ngày 21/11/2020, N dẫn T1 và P đến gặp người đàn ông tên T3 chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 mà T bán cho T3 với số tiền chuộc lại xe là 22.000.000 đồng. Ngày 20/12/2020, P đến Công an huyện D giao nộp xe mô tô nói trên.

Ngày 25/01/2021, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D ban hành Kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG, kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 56.200.000 đồng, trong đó:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu đen đỏ, biển kiểm soát 61H1-574.32, số máy KB11E1237353, số khung 1117KK237831 vào ngày 19/10/2020 trị giá 55.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại Vsmart Joy 3, màu trắng vào ngày 19/10/2020 trị giá 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu vàng, biển kiểm soát: 61H1-574.32, số máy: KB 11E1237353, số khung: 1117KK237831 là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Thiên P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trao trả cho ông P (theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ ngày 24/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D).

Ngày 21/11/2020, bị cáo Hồng Quốc T1 dẫn P đi chuộc lại chiếc xe trên, sau đó đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thiên P số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Vương Công N, ông N không biết xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 là tài sản do các bị cáo T và T1 phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKSĐT-HS ngày 06/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Hồng Khát T và Hồng Quốc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hồng Khát T và Hồng Quốc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo Hồng Quốc T1 được áp dụng tính tiết đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồng Khát T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hồng Quốc T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu vàng, biển kiểm soát: 61H1-574.32, số máy: KB 11E1237353, số khung: 1117KK237831 đã được trao trả cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Hồng Quốc T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 61/CT-VKSDT-HS ngày 06/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Hồng Khát T trả cho bị hại số tiền 22.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/9/2021, bị cáo Hồng Khát T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình, cố gắng trở thành công dân tốt. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 22.200.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự, bị hại đã chuộc lại chiếc xe mô tô bị các bị cáo chiếm đoạt là 24.000.000 đồng, bị hại thống nhất với giá trị chiếc xe mô tô là 55.000.000 đồng, thống nhất giá trị chiếc điện thoại động Vsmart Joy 3 là 1.200.000 đồng như Hội đồng định giá đã kết luận. Bị hại đã nhận của bị cáo T1 3.000.000 đồng (gồm tiền bồi thường thiệt hại xe mô tô 2.000.000 đồng; bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động 1.000.000 đồng). Số tiền thiệt hại còn lại là 22.200.000 đồng, bị hại chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường mà không yêu cầu bị cáo T1 liên đới bồi thường.

Lời trình bày của người làm chứng Phạm Hoàng V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và bị hại về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô

và điện thoại di động của bị hại.

Đối với người làm chứng Vương Công N vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra thể hiện phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng, bị cáo Hồng Quốc T1 trình bày đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hồng Quốc T1 khai nhận vào khoảng 21 giờ 00 Phút ngày 19/10/2020, tại tiệm Internet Quý Sport, thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã phối hợp với bị cáo Hồng Khắc T lừa bị hại Nguyễn Thiên P để lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu đen đỏ, biển kiểm soát 61H1-574.32 và điện thoại di động hiệu VsMart Joy 3, màu trắng của bị hại, sau đó bán chiếc điện thoại di động được 300.000 đồng; bán chiếc xe mô tô được 17.000.000 đồng. Số tiền bán điện thoại di động, cả hai tiêu xài chung, số tiền bán xe mô tô bị cáo T cho bị cáo T1 2.000.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và lời khai của bị cáo Hồng Khắc T trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Theo Kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG, Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 56.200.000 đồng, trong đó: Xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu đen đỏ, biển kiểm soát 61H1-574.32 trị giá 55.000.000 đồng; điện thoại Vsmart Joy 3, màu trắng trị giá 1.200.000 đồng. Như vậy, đủ cơ sở kết luận bản Cáo trạng số 61/CT-VKSDT-HS ngày 06/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo Hồng Khắc T và Hồng Quốc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng vào nhu cầu vay tiền của một người bạn của bị hại là người làm chứng Phạm Hoàng V, giả vờ lấy xe của bị hại để chở ông V đi vay tiền rồi bỏ ông V lại quán cà phê và chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi lừa đảo của mình, các bị cáo bàn bạc từ trước, hẹn bị hại tại địa điểm và thời điểm thuận lợi nhất là tiệm Internet vào lúc 21 giờ. Biết chiếc xe mô tô có gắn định vị trên điện thoại di động nên bị cáo T nói dối mượn cả điện thoại để liên lạc với người cho vay tiền để bị hại không định vị được vị trí của chiếc xe. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Các bị cáo đã lợi dụng sự cả tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, xuất phát từ động cơ tham lam, tư lợi cá nhân. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu tài sản, cần phải xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Để cá thể hóa hình phạt, cần phân tích tính chất và hành vi của từng bị cáo.

[4.1] Đối với bị cáo Hồng Khát T: Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T1, là người vạch ra kế hoạch, ấn định thời điểm và địa điểm thuận lợi nhất để thực hiện và là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thiên P, bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù.

[4.2] Đối với bị cáo Hồng Quốc T1: Bị cáo có vai trò giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị cáo T khởi xướng việc chiếm đoạt xe mô tô của bị hại, bị cáo không ngăn cản mà đồng ý ngay. Điều này đã củng cố tinh thần và quyết tâm thực hiện tội phạm của bị cáo T. Tại tiệm Internet Sport, sau khi bị cáo T lấy được xe và điện thoại của bị hại, bị cáo T1 ngồi lại tiệm cùng với bị hại một khoảng thời gian để bị hại không nghi ngờ, sau đó nói dối lý do “Về đi nhậu” để thoát khỏi tầm kiểm soát của bị hại, chờ bị cáo T đón để cùng nhau đi tiêu thụ tài sản vừa chiếm đoạt. Việc bị cáo T thực hiện thành công hành vi phạm tội có phần giúp sức tích cực của bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Hồng Quốc T1 sau khi phạm tội đã tự nguyện đưa bị hại đến tìm người mua xe, chuộc lại xe và trả cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng tiền bán xe mô tô;

1.000.000 đồng tiền bán điện thoại nhằm khắc phục một phần hậu quả nên được áp dụng tình tiết người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thuộc điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có được sự nuôi dưỡng, giáo dục của cha mẹ, sống cùng bà ngoại từ nhỏ nên thiếu tình thương và sự dạy dỗ, từ đó dễ sa vào con đường phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền thiệt hại của bị hại là 25.200.000 đồng, gồm tiền chuộc chiếc xe mô tô là 24.000.000 đồng; tiền giá trị chiếc điện thoại 1.200.000 đồng. Bị cáo T1 đã trả cho bị hại 3.000.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng tiền bán xe mô tô; 1.000.000 đồng tiền bán điện thoại di động). Số tiền thiệt hại chưa được khắc phục là 22.200.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 22.200.000 đồng, gồm 22.000.000 đồng tiền chuộc chiếc xe mô tô; 200.000 đồng giá trị chiếc điện thoại. Bị hại không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường. Xét thấy, việc bị hại chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường mà không yêu cầu bị cáo T1 liên đới bồi thường là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình điều tra, tại biên bản hỏi cung ngày 18/3/2021 (BL số 64) và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/9/2021, bị cáo T đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, màu vàng, biển kiểm soát: 61H1-574.32, số máy: KB 11E1237353, số khung: 1117KK237831 là tài sản hợp pháp của bị hại, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D trao trả cho bị hại.

[9] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; trách nhiệm dân sự là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với hành vi chỉ người bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61H1-574.32 của người làm chứng Vương Công N, ông N không biết xe mô tô là tài sản do các bị cáo T và T1 phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý là phù hợp.

[12] Đối với người mua xe mô tô tên T3, do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa điều tra làm rõ nên chưa đủ cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 268, 269, 277, 290, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 48, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Hồng Khát T và Hồng Quốc T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồng Khát T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Bản án số 13/2021/HSST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/10/2020.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồng Quốc T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

II. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hồng Khát T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 22.200.000 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bồi thường thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

T hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Án phí:

1. Bị cáo Hồng Khát T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 1.110.000 đồng (một triệu một trăm mười ngàn đồng) án phí dân

sự sơ thẩm.

2. Bị cáo Hồng Quốc T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2021).

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Công an H. D;
- CCTHA H. D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng HS nghiệp vụ CA tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Ngọc Lan